

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-PT

Ngày: 18-9-2024

V/v: Tranh chấp về thừa kế TS

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Ông Đinh Trường Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Nhung –Thư ký TAND tỉnh Hoà Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình:** Ông Hoàng Xuân Tân  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 20/2024/TLPT – DS ngày 22 tháng 05 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 01/04/2024 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Hoà Bình bị kháng cáo.Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:**

- Ông Phan Tuấn H, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 14, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Bà Phan Thị Minh Q, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 02, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Ông Phan Quang P, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 05, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Ông Phan Minh U, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 05, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

(Bà Q, ông P, ông U có giấy ủy quyền cho ông H tham gia giải quyết tranh chấp – giấy lập ngày 18/5/2022), ông H có mặt.

**Bị đơn:** Bà Trần Thị J, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Phú Nghĩa, huyện R, tỉnh Hòa Bình. SĐT: 0332783384; có mặt.

**Người liên quan:**

- Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Hòa Bình.
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện R, tỉnh Hòa Bình.

**Người kháng cáo:** Bị đơn bà Trần Thị J.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Ông Phan Quang C, bà Nguyễn Thị V là vợ chồng, có 04 con chung là Phan Tuấn H, Phan Thị Minh Q, Phan Quang P, Phan Minh U, năm 2004, bà V chết. Năm 2006, ông C kết hôn với bà Trần Thị J (có đăng ký kết hôn), cuối năm 2009, ông C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại An Phú, Phú Lão, R, Hòa Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa, R, Hòa Bình) và đã đầu tư xây nhà ở, tài sản trên đất. Năm 2012, ông C và bà J ly hôn, về tài sản hai bên thống nhất chưa yêu cầu Tòa án phân chia tài sản, để hai người tự thỏa thuận phân chia. Trên cơ sở đó, Tòa án đã giải quyết cho ông C ly hôn với bà J và chưa giải quyết phân chia tài sản.

Ngày 15/9/2013, ông Phan Quang C chết (trước khi chết chưa phân chia tài sản với bà J và không có di chúc phân chia thừa kế). Do vậy, đồng nguyên đơn (các con của ông C) yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 (nay là thửa đất 247 tờ bản đồ 47) nêu trên là di sản thừa kế của ông C để lại, không pP tài sản của bà J. Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông C (04 người con của ông C là H, Q, P, U) và buộc bà J trả lại toàn bộ thửa đất, nhà ở, công trình kiến trúc và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên để chia thừa kế theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn tự nguyện đề nghị Tòa xác định thửa đất 173 tờ bản đồ số 4 thôn An Phú, Phú Lão (nay thửa số 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa), R, Hòa Bình là tài sản chung của ông C, bà J. Các nguyên đơn tự nguyện yêu cầu Tòa án chia cho bà J phần đất có nhà, với diện tích 184 m<sup>2</sup> (Đất ở nông thôn – ONT), bà J có quyền sử dụng 184 m<sup>2</sup> đất (ONT) đó cùng với nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với phần đất được chia và không yêu cầu bà J thanh toán bất kỳ khoản tiền gì. Đối với 164,9 m<sup>2</sup> đất còn lại sau khi chia cho bà J (Trong đó có 146 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn – ONT), đề nghị xác định đây là di sản thừa kế của ông Phan Quang C để lại để chia thừa kế theo pháp luật cho 04 người con của ông C, đồng thời thống nhất trí thỏa thuận chia cho ông Phan Tuấn H sử dụng toàn bộ 169,4 m<sup>2</sup> đất đó; ông H có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và có nghĩa vụ thanh toán cho bà Q, ông P, ông U

mỗi người 156.000.000 đồng; không yêu cầu ông H thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gì cho các em.

***Bị đơn bà Trần Thị J trình bày:***

Bà và ông Phan Quang C kết hôn năm 2006, quá trình chung sống bà và ông C không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, đến năm 2012 bà và ông C ly hôn theo bản án ly hôn sơ thẩm số 01/2012/DSST ngày 26/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện R. Đối với tài sản tranh chấp trong vụ án là thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại An Phú, Phú Lão, R, Hòa Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 tại Phú Bình, Phú Nghĩa, R, Hòa Bình) và nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản trên đất là tài sản riêng của bà, không liên quan gì đến ông C, đất đã được UBND huyện R cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi danh cá nhân bà Trần Thị J, vì thửa đất này năm 2009 bà là người trực tiếp duy nhất bỏ tiền ra mua của bà Quách Thị Huệ, các con của bà Huệ (trong đó có bà Bùi Thị Châu Loan) không liên quan và cũng không tham gia vào việc mua bán này, bà đã trả cho bà Huệ một lần đủ 139.000.000 đồng, sau khi mua đất bà đã tự bỏ tiền riêng ra làm nhà, khi mua đất và làm nhà bà đều không nói cho ông C biết, chỉ khi làm nhà xong bà mới đón ông C về ở, ông C không biết và không tham gia vào việc mua bán đất và làm nhà trên đất. Bà J không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị J thừa nhận văn bản ghi “An phú ngày 20/8/2009 âm lịch - Giấy biên nhận mua bán đất thổ cư” bà nộp Tòa mới được viết lại gần đây; không pP giấy viết tại thời điểm mua bán năm 2009 như bà cam đoan trước đây. Bà J biện luận rằng năm 2009, đúng là bên bán và bên mua có lập Giấy mua bán viết tay với nhau, bà J có được giữ giấy đó nH do sơ suất đã làm mất, nên bà mới viết lại và nhờ mọi người ký hộ, nộp cho Tòa án. Lời khai của bà Quách Thị Huệ (người có đất chuyển nhượng), bà Bùi Thị Châu Loan (con gái bà Huệ, đại diện cho bà Huệ thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất) khẳng định người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hai vợ chồng ông C bà J, không pP một mình bà J như bà J khai, cả ông C bà J cùng ký tên vào hợp đồng viết tay lập giữa hai bên, giấy biên nhận mua bán đất do bà J cung cấp không pP văn bản được viết năm 2009, giấy này bà J mới viết lại và nhờ mọi người ký hộ, khi nhờ ký bà J dấu diếm mục đích, mọi người không biết nên đã ký.

**Tài liệu xác minh:**

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa cấp thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, Phú Lão (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thôn Phú Bình, Phú Nghĩa), R, Hòa Bình do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện R cung cấp.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 743276 do UBND huyện R cấp ngày 28/01/2010 ghi thửa 173 tờ bản đồ 04 tại An Phú, Phú Lão (Nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 tại Phú Bình, Phú Nghĩa), R, Hòa Bình có diện tích 330

m<sup>2</sup>. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2022 và kết quả đo đạc ngày 12/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện R xác định diện tích đất thực tế là 348,9 m<sup>2</sup>. Việc tăng diện tích này xuất phát từ V pháp kỹ thuật, công nghệ đo đạc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm cấp Giấy, thực tế gia đình bà J vẫn quản lý đất đúng với hiện trạng khi nhận chuyển nhượng; các hộ liền kề trong đó có bên chuyển nhượng đất hộ bà Quách Thị Huệ, UBND xã Phú Nghĩa xác nhận thửa đất có diện tích 348,9 m<sup>2</sup>, không có tranh chấp gì trước đó.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 11/11/2022, 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự kết luận: Giá trị diện tích đất là: 348,9m<sup>2</sup> x 5.000.000đ/1m<sup>2</sup> = 1.744.500.000đ, giá trị tài sản trên đất là 392.281.228đ.

**Tại bản án sơ thẩm:** Số 01/2024/DS - ST ngày 01/04/2024 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Hòa Bình quyết định:

Áp dụng điều 27; Điều 32 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 26, 28, 35, 157, 165, 166, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; các Điều 167, 195 Luật Đất đai; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Xác định 348,9 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, Phú Lão, R, Hòa Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thuộc thôn Phú Bình, Phú Nghĩa, R, Hòa Bình); nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với thửa đất này là tài sản chung của ông Phan Quang C và bà Trần Thị J.

2. Chia cho bà Trần Thị J phần đất có nhà, với tổng diện tích 184 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn - ONT (trong đó chiều ngang phía trước giáp đường một chiều vào Chùa Tiên, chiều ngang phía sau giáp hộ liền kề; chiều dọc một bên tiếp giáp hộ liền kề, một bên tiếp giáp phần đất chia cho ông Phan Tuấn H). Bà Trần Thị J có quyền sở hữu đối với nhà ở, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với 184 m<sup>2</sup> đất được chia (tổng giá trị là 1.267.587.700 đồng). Bà J không pP thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản được chia cho các ông bà Phan Tuấn H, Phan Thị Minh Q, Phan Quang P, Phan Minh U.

3. Xác định phần tài sản còn lại sau khi đã chia cho bà Trần Thị J là di sản do ông Phan Quang C để lại, gồm: 164,9 m<sup>2</sup> đất, công trình kiến trúc, tài sản trên đất đó (tổng giá trị là 874.316.357 đồng).

- Chấp nhận sự tự nguyện của các ông bà Phan Tuấn H, Phan Thị Minh Q, Phan Minh U, Phan Quang P. Giao cho ông Phan Tuấn H sử dụng toàn bộ phần đất còn lại (sau khi đã chia cho bà Trần Thị J), với tổng diện tích là 164,9m<sup>2</sup> (trong đó có 146 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn – ONT. Chiều ngang phía trước giáp đường một chiều vào Chùa Tiên, chiều ngang phía sau tiếp giáp hộ liền kề; chiều dọc một bên tiếp giáp với phần đất chia cho bà Trần Thị J, một bên tiếp giáp hộ liền kề).

- Ông H được quyền sở hữu đối với toàn bộ tài sản trên 164,9 m<sup>2</sup> đất được chia và pP thanh toán cho bà Phan Thị Minh Q 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Quang P 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Minh U 156.000.000 đồng.

4. Kiến nghị với UBND huyện R, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện R, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 743276 ngày 28/01/2010 đã cấp cho bà Trần Thị J; cấp đổi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng phù hợp với phán quyết của Tòa án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 04 năm 2024, bị đơn bà Trần Thị J có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 01/04/2024 của Tòa án nhân dân huyện R với nội dung: Cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng, nội dung giải quyết vụ án ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/6/2024 ông Phan Tuấn H ý kiến: Trường hợp bà J muốn sử dụng toàn bộ thửa đất thừa kế trong vụ án thì bà J thanh toán cho các nguyên đơn số tiền 500.000.000đ, bà J không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự trong vụ án: Ông Phan Tuấn H (nguyên đơn) và bị đơn bà Trần Thị J đã thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án với nội dung:

Xác định 348,9 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, Phú Lão, R, Hòa Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thuộc thôn Phú Bình, Phú Nghĩa, R, Hòa Bình); nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với thửa đất này là tài sản chung của ông C và bà J.

Bà Trần Thị J được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, xã Phú Lão, huyện R, tỉnh Hòa Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thuộc thôn Phú Bình, xã Phú Nghĩa, huyện R, tỉnh Hòa Bình); nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với thửa đất này.

Ông Phan Tuấn H không nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 164,9m<sup>2</sup> như án sơ thẩm đã phân chia mà được nhận số tiền về giá trị tài sản từ bà Trần Thị J là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền pP trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người pP thi hành án còn pP chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pP thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông H nhận tài sản được chia và pP thanh toán cho bà Phan Thị Minh Q 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Quang P 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Minh U 156.000.000 đồng như đã thỏa thuận tại cấp sơ thẩm.

**Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Hoà Bình, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị đơn kháng cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Người kháng cáo, người không kháng cáo nH có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị và những người tham gia tố tụng khác đã được triệu tập hợp lệ,

Bà Phan Thị Minh Q, ông Phan Minh U, ông Phan Quang P có giấy ủy quyền cho ông H tham gia giải quyết tranh chấp (giấy lập ngày 18/5/2022 có xác nhận của UBND xã Phú Nghĩa). Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2024 ông H trình bày tại cấp phúc thẩm ông H trực tiếp tham gia tố tụng và đại diện theo ủy quyền cho người đồng nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của các con ông C về việc “yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông C, bà J để làm căn cứ giải quyết yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông C để lại” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Sau khi chia tài sản chung cho bà J, phần tài sản còn lại là di sản thừa kế của ông C. Căn cứ vào các Điều 611, 650, 651 của Bộ Luật Dân sự, xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Quang C gồm ông bà Phan Tuấn H, Phan Thị Minh Q, Minh Minh U, Phan Quang P là những người được quyền thừa kế di sản của ông C là đúng quy định.

2.2. Các ông bà Phan Tuấn H, Phan Thị Minh Q, Phan Minh U, Phan Quang P đã thỏa thuận với nhau vào ngày 29/3/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm với nội dung: Ông H được quyền sử dụng đất và sở hữu đối với toàn bộ tài sản

trên 164,9 m<sup>2</sup> đất được chia thừa kế và pP thanh toán cho bà Phan Thị Minh Q 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Quang P 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Minh U 156.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận nội dung này là có căn cứ, ông H, bà Q, ông U và ông P không có kháng cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm (ngày 18/9/2024, các đương sự trong vụ án: Ông Phan Tuấn H (nguyên đơn) và bị đơn bà Trần Thị J đã thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án với nội dung:

3.1. Xác định 348,9 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, Phú Lão, R, Hòa Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thuộc thôn Phú Bình, Phú Nghĩa, R, Hòa Bình); nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với thửa đất này là tài sản chung của ông Phan Quang C và bà Trần Thị J được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

3.2. Bà Trần Thị J được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, xã Phú Lão, huyện R, tỉnh Hòa Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thuộc thôn Phú Bình, xã Phú Nghĩa, huyện R, tỉnh Hòa Bình); nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với thửa đất này. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 743276 số vào sổ cấp GCN: CH 00004 ngày 28/01/2010 UBND huyện R đã cấp cho bà Trần Thị J). Bà J có trách nhiệm trả cho ông H số tiền về giá trị tài sản là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

3.3. Ông Phan Tuấn H không nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 164,9m<sup>2</sup> như án sơ thẩm đã phân chia mà được nhận số tiền về giá trị tài sản từ bà Trần Thị J là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền pP trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người pP thi hành án còn pP chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pP thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3.4. Ông H nhận tài sản được chia và pP thanh toán cho bà Phan Thị Minh Q 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Quang P 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Minh U 156.000.000 đồng như đã thoả thuận tại cấp sơ thẩm.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy:

4.1. Thoả thuận giữa của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Hoà Bình, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

4.2. Kiến nghị với UBND huyện R, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện R, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số BA 743276 ngày 28/01/2010 đã cấp cho bà Trần Thị J; cấp đổi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà J phù hợp với diện tích đất thực tế bà J sử dụng. Bà Trần Thị J thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[5]Nghĩa vụ chịu án phí: Các đương sự được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Sửa bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Hoà Bình; Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể:

1. Xác định 348,9 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, Phú Lão, R, Hoà Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thuộc thôn Phú Bình, Phú Nghĩa, R, Hoà Bình); nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với thửa đất này là tài sản chung của ông Phan Quang C và bà Trần Thị J.

2. Bà Trần Thị J được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 173 tờ bản đồ 04 tại thôn An Phú, xã Phú Lão, huyện R, tỉnh Hoà Bình (nay là thửa 247 tờ bản đồ 47 thuộc thôn Phú Bình, xã Phú Nghĩa, huyện R, tỉnh Hoà Bình); nhà ở, công trình kiến trúc, tài sản khác gắn liền với thửa đất này. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 743276 số vào sổ cấp GCN: CH 00004 ngày 28/01/2010 UBND huyện R đã cấp cho bà Trần Thị J). Bà J có trách nhiệm trả cho ông H số tiền về giá trị tài sản là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

3. Ông Phan Tuấn H không nhận quyền sử dụng phần đất 164,9m<sup>2</sup> và tài sản trên đất như án sơ thẩm đã phân chia mà được nhận số tiền về giá trị tài sản từ bà Trần Thị J là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

4. Chấp nhận sự tự nguyện của các ông bà Phan Tuấn H, Phan Thị Minh Q, Phan Minh U, Phan Quang P về việc ông Phan Tuấn H nhận tài sản được chia thừa kế và pP thanh toán cho bà Phan Thị Minh Q 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Quang P 156.000.000 đồng; thanh toán cho ông Phan Minh U 156.000.000 đồng.

5. Kiến nghị với UBND huyện R, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện R, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 743276 ngày 28/01/2010 đã cấp cho bà Trần Thị J; cấp đổi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà J phù hợp với diện tích đất thực tế bà J sử dụng. Bà Trần Thị J thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. (toàn bộ theo trích đo khu đất tờ số 487 (247 471-6-d) lập ngày 12/12/2022 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện R, tỉnh Hoà Bình).



6. Về án phí : Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Nguyên đơn, bị đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Ông Phan Tuấn H được trả lại 5.000.000đ (năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 000186 ngày 27/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Hòa Bình.

7. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn nhận chịu toàn bộ, đã nộp đủ.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 18/9/2024.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền pP trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người pP thi hành án còn pP chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pP thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pP thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại HN
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- VKSND H R
- TAND H. R
- Chi cục THADS H. R
- UBND xã Phú Nghĩa
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Tuấn**



